

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 968-TCHQ/PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1991

THÔNG TƯ

CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 968/TCHQ-PC NGÀY 15 THÁNG 10
NĂM 1991 HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 171/HĐBT
NGÀY 27 THÁNG 5 NĂM 1991 CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH
BẢN QUY ĐỊNH CỤ THỂ THỦ TỤC HẢI QUAN VÀ LỆ PHÍ HẢI QUAN

Ngày 27 tháng 5 năm 1991 Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định số 171/HĐBT ban hành Bản quy định cụ thể thủ tục hải quan và lệ phí hải quan.

Thi hành Điều 30 của Bản quy định này, Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể một số điểm để các cấp hải quan thống nhất thi hành.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

1. Theo Điều 2 của Bản Quy định ban hành kèm theo Nghị định số 171/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (dưới đây gọi tắt là bản quy định) thì những đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan sau đây khi xuất khẩu, nhập khẩu phải có:

A. GIẤY PHÉP CỦA BỘ THƯƠNG NGHIỆP

- Hàng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu (bao gồm cả hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất);
- Nguyên liệu, hàng hoá nhập khẩu để làm hàng gia công xuất khẩu;
- Hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu của tổ chức đầu tư và chuyển giao công nghệ;
- Hàng xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh, uỷ thác quá cảnh;
- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm;
- Hàng hoá mua bán, trao đổi với chủ phương tiện vận tải nước ngoài tại khu vực cảng biển, cảng sông, cảng hàng không dân dụng quốc tế Việt Nam;

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của cửa hàng miễn thuế trong khu vực cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế;
- Hàng viện trợ xuất khẩu, nhập khẩu.

B. GIẤY PHÉP CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN:

- Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, mượn đường Việt Nam;
- Hàng mẫu, vật phẩm quảng cáo xuất khẩu, nhập khẩu;
- Hàng tiếp tế, quà biếu xuất khẩu, nhập khẩu;
- Tài sản di chuyển, tài sản thừa kế xuất khẩu, nhập khẩu;
- Vật dụng, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ công tác và sinh hoạt của cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế có trụ sở thường trực tại Việt Nam và của cá nhân người nước ngoài làm việc tại những cơ quan này, các tổ chức và cá nhân người nước ngoài khác;
- Hàng xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch khác.

C. Trường hợp các đối tượng trên thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành, thì Bộ Thương nghiệp và Tổng cục Hải quan hội đủ điều kiện rồi mới cấp giấy phép cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Hải quan cửa khẩu chỉ căn cứ vào giấy phép của Bộ Thương nghiệp và Tổng cục Hải quan để tiến hành thủ tục hải quan, không trực tiếp yêu cầu chủ hàng nộp thêm giấy chứng nhận cho phép xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan chuyên quản. Riêng hàng nhập khẩu thuộc loại thực vật, động vật ngoài giấy phép của Bộ Thương nghiệp hoặc Tổng cục Hải quan, còn phải có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan chủ quản.

2. Điều 3 của Bản quy định về trình tự thủ tục Hải quan, gồm:

2.1. Thời điểm đối tượng kiểm tra hải quan chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

a. Đối tượng kiểm tra hải quan nhập khẩu:

Ngay khi phương tiện vận tải chuyên chở hàng hoá, hành lý nhập khẩu tới khu vực kiểm soát và địa bàn hoạt động hải quan, phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

Thời điểm được tính: từ sau khi người điều khiển phương tiện vận tải nộp hồ sơ hải quan cho cán bộ, nhân viên Hải quan thừa hành nhiệm vụ.

b. Đối tượng kiểm tra hải quan xuất khẩu:

Từ thời điểm Hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai hải quan.

2.2. Nơi làm thủ tục hải quan, địa điểm kiểm tra hải quan:

- Nơi làm thủ tục hải quan và địa điểm kiểm tra hải quan là cửa khẩu. Đối tượng kiểm tra hải quan nhập khẩu làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập đầu tiên, khi xuất khẩu làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cuối cùng;
- Đối với hàng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu chủ hàng có thể làm thủ tục hải quan tại bất kỳ Hải quan tỉnh, thành phố (dưới đây gọi tắt là Hải quan cấp tỉnh) hoặc cửa khẩu nào mà chủ hàng thấy thuận tiện;
- Cũng tùy theo vị trí và địa bàn của từng địa phương, thủ tục hải quan đối với hàng hoá kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu có thể tiến hành thủ tục tại Hải quan cấp tỉnh miễn là không gây trở ngại cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Riêng những cửa khẩu ở quá xa với Hải quan cấp tỉnh thủ tục hải quan phải được tiến hành tại cửa khẩu;
- Nếu có yêu cầu của chủ đối tượng kiểm tra hải quan và được cấp từ trưởng Hải quan cửa khẩu, trưởng phòng nghiệp vụ Hải quan cấp tỉnh trở lên chấp nhận, thì việc kiểm tra hải quan được tiến hành tại địa điểm khác ở nội địa.

2.3. Thời hạn làm thủ tục hải quan:

- a. Đối với hàng hoá, hành lý nhập khẩu: Chậm nhất là 30 ngày kể từ khi hàng hoá, hành lý nhập khẩu về tới cửa khẩu; chủ hàng phải làm thủ tục hải quan.
- b. Đối với hàng hoá xuất khẩu: Phải hoàn thành thủ tục hải quan chậm nhất trước 2 giờ, giờ phương tiện vận tải chuyên chở hàng hoá đó khởi hành.
- c. Đối với hành lý mang theo người khi xuất cảnh: Phải làm thủ tục hải quan chậm nhất trước 1 giờ, giờ phương tiện vận tải chuyên chở hành lý khởi hành.

- d. Đối với phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh:

Chậm nhất là 12 giờ sau khi phương tiện nhập cảnh và 2 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh khởi hành người điều khiển phương tiện vận tải phải nộp tờ khai hải quan và các tờ khai khác theo quy định cho Hải quan cửa khẩu.

2.4. Nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu căn cứ vào tờ khai hải quan và kết quả kiểm tra hải quan được xác nhận về tên hàng, ký mã hiệu, nhãn hiệu của hàng hoá, số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng và tình trạng hàng hoá, đồng thời căn cứ vào trị giá và thuế suất để tính ra số thuế phải nộp.

Số thuế phải nộp được ghi trên tờ khai hải quan và thông báo số thuế cho chủ hàng, riêng đối với hàng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phải thông báo bằng giấy báo thuế, trong đó ghi rõ số thuế phải nộp, thời gian phải nộp. Chủ hàng có nghĩa vụ nộp đúng, nộp đủ thuế theo luật định và làm nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nộp lệ phí hải quan (nếu có).

2.5. Xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan:

Đối tượng kiểm tra hải quan được xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan là:

- a. Đối với hàng hoá kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu: đã làm xong thủ tục hải quan, trong đó đã nộp đủ thuế hoặc đã ký và xác nhận số thuế phải nộp, thời hạn nộp thuế.
- b. Đối với hàng hoá phi mậu dịch xuất khẩu, nhập khẩu, đã làm xong thủ tục hải quan, trong đó đã nộp đủ thuế và lệ phí hải quan (nếu có).

Đối tượng kiểm tra hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan, Hải quan đóng dấu "đã làm thủ tục hải quan" lên trang đầu của tờ khai, đồng thời giao chủ đối tượng kiểm tra hải quan giữ một bản.

3. Điều 43 của Bản quy định về giám sát hải quan gồm:

3.a. Giám sát xếp dỡ hàng hoá, hành lý:

Tất cả hàng hoá, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu khi xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu và dỡ từ phương tiện vận tải xuống, đều chịu sự giám sát hải quan.

Cơ sở để Hải quan tiến hành giám sát hàng hoá, hành lý xếp dỡ là: Đối với hàng hoá, hành lý xuất khẩu là tờ khai hải quan có đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan".

- Đối với hàng nhập khẩu là bản "Lược khai hàng hoá" đã được hải quan đóng dấu tiếp nhận.

3.b. Giám sát kho bãi:

- Hàng hoá xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa thực xuất; hàng hoá, hành lý nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan đều chịu sự giám sát hải quan.

Hải quan tiến hành giám sát bằng 2 phương thức:

- Niêm phong, cặp chì từng kiện hàng hoá, hành lý, hoặc niêm phong từng công-ten-nơ chứa hàng hoá, hành lý, hoặc niêm phong, cặp chì cửa kho (khi kho không hoạt động).
- Cử nhân viên hải quan giám sát trực tiếp tại kho khi kho hoạt động.

Tất cả hàng hoá, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu khi xuất kho, nhập kho đều phải có phiếu xuất kho, nhập kho đều phải chịu sự kiểm tra hải quan và xác nhận của nhân viên hải quan giám

sát kho.

3.c. Giám sát hàng hoá, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển:

Hàng hoá, hành lý xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, vận chuyển từ kho đến phương tiện vận tải tại cửa khẩu để xuất khẩu hoặc vận chuyển thẳng tới cửa khẩu để xuất khẩu, hàng hoá, hành lý nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan vận chuyển từ phương tiện vận tải về kho. Hải quan tiến hành giám sát hải quan bằng 2 phương thức:

- Niêm phong hoặc cặp chì từng kiện hàng hoá, hành lý, hoặc công-ten-nơ chứa hàng hoá, hành lý, hoặc niêm phong, cặp chì của phương tiện vận tải nếu là phương tiện vận tải chuyên dụng;
- Cử nhân viên hải quan áp tải.

Việc tiến hành phương thức áp tải nào cũng đều phải ghi nhận vào tờ khai hải quan (hoặc giấy vận chuyển) để thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát hải quan của đơn vị tiến hành thủ tục hải quan tiếp theo.

II. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ, HÀNH LÝ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

4. Đối với hàng hoá kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu:

Thủ tục hải quan đối với các loại hàng hoá kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

a. Khai báo và nộp tờ khai hải quan:

- Phải khai trên tờ khai do Tổng cục Hải quan ấn hành.
- Phải viết hoặc đánh máy bằng một thứ mực, không được khai bằng mực đỏ.
- Không được tẩy xoá, viết đè lên nhau, viết hoặc đánh máy thêm vào giữa 2 dòng chữ. Nếu có sửa chữa, thêm bớt chữ vào tờ khai, phải có xác nhận của người khai và phải được nhân viên Hải quan đăng ký tờ khai ghi nhận.
- Mỗi tờ khai chỉ khai cho 1 giấy phép (1 giấy phép có thể khai trên nhiều tờ khai) khai bằng tiếng Việt thành 3 bản giống nhau (có thể ghi thêm bằng tiếng nước ngoài).
- Phải khai đầy đủ các cột mục của tờ khai (phần dành cho chủ hàng khai) phải khai rõ tên hàng, số hiệu của tên hàng theo đúng như quy định trên biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu; khai đúng đơn giá và trị giá thanh toán theo hợp đồng và được Bộ Thương nghiệp xác nhận trên